

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp  
và phát triển doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp,

**Điều 1.** Chuyển Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để quản lý tập trung, thống nhất, có hiệu quả các nguồn thu từ phần vốn nhà nước góp tại các doanh nghiệp, bao gồm cả các nguồn thu từ quá trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thay thế Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Các trường hợp đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương để bổ sung vốn điều lệ, tái cơ cấu tài chính, bổ sung vốn nhằm duy trì hoặc tăng tỷ lệ vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo các nội dung quy định tại Quyết định này.

**Điều 4.** Giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tổ chức giữ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thực hiện thu, chi theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền; định kỳ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 5.** Bộ Tài chính tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Quyết định này.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**QUY CHẾ  
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ HỖ TRỢ SẮP XẾP VÀ  
PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012  
của Thủ tướng Chính phủ)*

**Phần I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (trong một số trường hợp được gọi tắt là Quỹ).
2. Các doanh nghiệp có nguồn thu phải nộp về Quỹ hoặc được hỗ trợ từ Quỹ theo quy định tại Quy chế này.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng Quỹ quy định tại Quy chế này.

**Phần II  
NGUỒN THU CỦA QUỸ**

**Điều 3. Nguồn thu của Quỹ**

1. Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
2. Nguồn thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.
3. Các khoản thu sau cổ phần hóa bao gồm:
  - a) Tiền bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo sự phân công, phân cấp của Thủ tướng Chính phủ (sau khi trừ các chi phí liên quan theo quy định);
  - b) Các khoản tiền thu hồi giá trị cổ phần Nhà nước cấp cho người lao động để hưởng cổ tức (nếu số cổ phần này chưa bàn giao cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước); cổ phần bán trả chậm cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp độc lập thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện cổ phần hóa theo các chính sách về cổ phần hóa trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ;

c) Khoản tiền người lao động dôi dư đã nhận trợ cấp từ Quỹ hoàn trả lại khi được tái tuyển dụng theo quy định của pháp luật.

4. Khoản lợi nhuận được chia, cổ tức của phần vốn nhà nước góp tại các doanh nghiệp đã thực hiện chuyển đổi do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

5. Thu từ lợi nhuận sau thuế và khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt; điều hòa Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Khoản lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại.

7. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Thời hạn nộp tiền về Quỹ**

1. Đối với các khoản thu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Quy chế này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu.

Cơ quan quyết định chuyển đổi sở hữu, người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước hoặc cơ quan đại diện (đối với trường hợp không cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với các khoản thu còn lại, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền; hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện phân chia cổ tức, lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên đối với các khoản thu theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy chế này; hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các khoản thu theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Quy chế này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp tiền thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước hoặc cơ quan đại diện (đối với trường hợp không cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

3. Áp dụng các quy định dưới đây đối với trường hợp doanh nghiệp nộp các khoản thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp sau thời hạn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này:

a) Trường hợp chậm nộp trong vòng 03 tháng, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất cho số tiền và thời gian chậm nộp. Sau thời hạn 03 tháng, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền vay quá hạn cho số tiền chậm nộp của thời gian quá hạn sau 03 tháng;

b) Trường hợp sau thời hạn nộp tiền 04 tháng mà doanh nghiệp vẫn chưa nộp tiền về Quỹ thì ngoài việc phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này doanh nghiệp sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Phần VII Quy chế này.

4. Các khoản phạt chậm nộp quy định tại Khoản 3 Điều này doanh nghiệp không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; doanh nghiệp chỉ được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù đắp sau khi trừ đi các khoản bồi thường, xử lý trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp (nếu có).

### **Phần III CÁC NỘI DUNG CHI CỦA QUỸ**

#### **Điều 5. Các nội dung chi của Quỹ**

1. Hỗ trợ các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ kinh phí cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con không đủ nguồn để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật.

3. Bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và cơ quan được giao thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.